TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NT** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 93/2018/HNGĐ-ST **Ngày: 16/7/2018** **V/v: Ly hôn**	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lệ
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Ngô Tiến Thành
Ông Nguyễn Đức Đẹp
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Đạt - Cán bộ Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa*: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1191/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐXX-ST ngày 4 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐHPT-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Mai Nh**, sinh năm 1969
Trú tại: 73 T, phường P, TP NT. Vắng mặt

* *Bị đơn*: Ông **Phạm Trọng H**, sinh năm 1968
Trú tại: 73 T, phường P, TP NT. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mai Nh trình bày*: Bà và ông Phạm Trọng H tự nguyện kết hôn năm 1992, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nhận thấy không còn tình cảm với ông H nên bà yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung, bà và ông H có 2 con chung là Phạm Nguyễn Trâm A, sinh năm 1992 và Phạm Nguyễn Nam H, sinh ngày 26/5/2004. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Phạm Trọng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai và tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập ông Phạm Trọng H đến tham gia phiên tòa, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm (lần 2), ông H vẫn vắng mặt. Ngày 12/7/2018, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mai Nh có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về nội dung*: Ông Phạm Trọng H và bà Nguyễn Thị Mai Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố NT cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/7/1992. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Nh yêu cầu xin ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, bản thân không còn tình cảm gì với ông H.

Phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT kết luận, có đủ cơ sở để tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện để các bên hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, đến thời điểm này bị đơn vẫn vắng mặt nên tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về việc nguyên đơn xin ly hôn và không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nh và ông H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Nh xin ly hôn ông H là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung:*

Đối với con chung Phạm Nguyễn Trâm A, sinh năm 1992 đã thành niên, bà Nh không yêu cầu giải quyết về việc nuôi và cấp dưỡng nên không xem xét.

Đối với con chung Phạm Nguyễn Nam H, sinh ngày 26/5/2004: Xét bà Nh là người đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và việc giao con chung cho bà Nh trực tiếp nuôi cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Phạm Nguyễn Nam H tại bản khai ngày 27/10/2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nh về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Mai Nh phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* *Tuyên xử*:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

+ Bà Nguyễn Thị Mai Nh được ly hôn ông Phạm Trọng H

+ Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mai Nh được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Phạm Nguyễn Nam H, sinh ngày 26/5/2004

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nh về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con

Ông H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mai Nh phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Nh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007686 ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT. Bà Nh đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

* *Nơi nhận:*
- VKSNDTP NT
- Toà án nhân dân Tỉnh Khánh Hoà;
- Chi cục thi hành án dân sự TP NT;
- UBND phường P, TP NT
- Các đương sự;
- Lưu

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lệ